

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Trường Tín TD868  
Giấy chứng nhận kinh doanh số 1702253814 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2022,  
đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 12 năm 2024, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế  
hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ trụ sở chính: 306 Huỳnh Tấn Phát, Phường Vĩnh Hiệp, Thành phố Rạch Giá, tỉnh  
Kiên Giang (Nay là: 306 Huỳnh Tấn Phát, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang)

Mã số thuế: 1702253814

Website: <https://truongtintd868.com>

Điện thoại: 0945 779 306

Email: [congytruongtintd868@gmail.com](mailto:congytruongtintd868@gmail.com)

Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 : 2017

2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng Kiểm định và Thí nghiệm Vật liệu Xây dựng

Địa chỉ: 306 Huỳnh Tấn Phát, Phường Vĩnh Hiệp, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên  
Giang (Nay là: 306 Huỳnh Tấn Phát, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang)

Điện thoại: 0945 779 306

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>XI MĂNG</b>			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	AASHTO T128/ T133/ T153; ASTM C184/ C786/ C188/ C204/ C128; BS EN 196; JIS R5201; TCVN 13605 : 2023	Sàng (Kích thước mắt sàng: 0.09mm; 0.08mm; 0.045mm) Tủ sấy Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi



ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	AASHTO T129; ASTM C109; BS EN 196; ISO 679; JIS R5201; TCVN 6016 : 11; AASHTO - T106	Sàng, máy trộn, khuôn 4x4x16cm, 50x50x50mm, máy nén,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	ISO 9597; AASHTO T129/ T131; ASTM C187/ C191; BS EN 196; JIS R5201; TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012	Dụng cụ vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đồng, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>				
4	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382 : 2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại, búa cao su, dao gạt mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
5	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại, búa cao su, dao gạt mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
6	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105 : 2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu: 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tầm đế, thước lá kim loại, búa cao su, dao gạt mẫu, đồng hồ bấm giây	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106 : 2022; AASHTO - T119; ASTM C1170; ASTM C143/C143M-20; BS EN 12350-2:2019	Côn thử sệt + tấm đế, que chọc bằng thép đường kính 16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại, đồng hồ bấm giây	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
8	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 : 2022	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn 5mm, 1,25mm, 0,15mm. Tủ sấy 300°C, bay, xẻng xúc mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
9	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 : 2022	Máy thử thấm bê tông HS-40	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
10	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118 : 2022; AASHTO - T22	Máy nén bê tông TYA-2000; TYA - 300, thước lá kim loại, đệm truyền tải	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
11	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119 : 2022; AASHTO - T97	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG, VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẪM, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC</b>				
12	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Nguyễn Ngọc Nhi
13	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2 :06; AASHTO - T27, T37; ASTM C136; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 300°C, máy lắc sàng	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
14	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06; AASHTO - T19, T191; T205; T233; T238; ASTM C128; BS1881; AASHTO - T84; AASHTO - T85; BS EN 1097-6:2022	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, bình hút ẩm, tủ sấy 300°C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm, 0.14mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
15	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 10322 :2014; BS EN 1925; AASHTO - T84, T85; TCVN 7572-5 :06	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước, tủ sấy 300°C	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
16	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 :06; AASHTO-T19/T19M-22; ASTM C29/C29M-23; BS EN 1097-3:1998	Thùng đóng, cân kỹ thuật, phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 300°C, thước lá kim loại	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06; AASHTO-T255-22; ASTM C566-19	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, tủ sấy 300°C, hộp đựng mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
18	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 :06; AASHTO-T112, T11, T176, ASTM C117; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, tủ sấy 300°C, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
19	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 06; AASHTO-T21M/T21-20	Bảng màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml. Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
20	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy thử nén TYA-2000, xi lanh bằng thép đường kính 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g. Sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1.25mm, tủ sấy 300°C, thùng ngâm mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
21	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Cân kỹ thuật 30kg//1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cài tiến, tủ sấy 300°C	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi



ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17: 06; AASHTO-T112; ASTM C142	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.01g, tủ sấy 300°C, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
23	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 06	Cân kỹ thuật, kính lúp	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
24	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20: 06	Cân kỹ thuật có chính xác đến 0,001 g, tủ sấy 300°C; bộ sàng tiêu chuẩn: kích thước 5 mm; 2,5 mm; 1,25 mm; 630 mm; 315 mm; 140 mm; giấy nhám (có thể dùng giấy in rônê...) khổ giấy 330 mm x 210 mm; đĩa thủy tinh	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
25	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 06; ASTM D2938/C39; AASHTO T22; BS EN 12190	Máy thử nén TYA-2000, thước, thùng ngâm mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
26	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	ASTM C131; EN 1097-2/12697; AASHTO T327; AASHTO-T96; ASTM D6928; ASTM C535-16; TCVN 7572-12: 06;	Cân kỹ thuật 30kg/1g, Bộ sàng: 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy 300°C, máy thử độ mài mòn Los Angeles	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

N:  
 ĐƠN  
 NHỊ  
 ỜN  
 Đ  
 GIÁ

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG</b>				
27	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển mẫu và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Ngọc Nhi Nguyễn Minh Nhựt
28	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	ASTM D854; AASHTO T100; BS1377-2; JIS A1202; TCVN 4195 :2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chà sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300°C, tỷ trọng kế, bếp cách cát	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
29	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	ASTM D2216/D4959/D4643; AASHTO T127; BS812; JIS A1203; TCVN 4196 :2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300°C, cối chà sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
30	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	ASTM D4318; AASHTO T89, T90; BS1377-2; JIS A1205; TCVN 4197 :2012; TCVN 14134-4:2024;	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300°C	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
31	Xác định thành phần cỡ hạt	ASTM D422; AASHTO T27/T88; BS1377-2; JIS A1204; ASTM D2487; EN ISO 14688; AASHTO M145; ASTM C136; TCVN 4198 : 2014; TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chà sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300°C/1°C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	ASTM D3080; BS1377-7; EN ISO 12957; AASHTO T236; TCVN 4199 : 2012	Máy cắt một phẳng - Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
33	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	ASTM D2435/ D4546/ D4186; AASHTO T216; BS1377-5; JIS A1217; JIS A 1227; TCVN 4200 :2012	Máy nén lún (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng đồng hồ so 10mm (0,01mm), dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy 300°C, cân kỹ thuật	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
34	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020; BS1377-4; ASTM D698/D1557/D558; JIS A1210; AASHTO T799/T134/T135/T136/T180; TCVN 4201 :2012	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, cân kỹ thuật 30kg/5g, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75;5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300°C, hộp nhôm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
35	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22; AASHTO T180-22	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75;5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300°C, hộp nhôm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
36	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332 - 2006; TCVN 12792 :20; AASHTO-T193; ASTM D1883; JIS A1211	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, Bộ khuôn CBR, cân kỹ thuật 30kg/, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75;5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300°C, hộp nhôm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
37	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D7263; AASHTO T92; BS1377-2; TCVN 4202 :2012	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300°C, bình hút ẩm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
38	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166/ D2166M-24	Máy nén tốc độ 1mm/ph, thước 200mm/0.01mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
39	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất (Hàm lượng hữu cơ mất khi nung)	AASHTO T267; ASTM D2974; BS1377-3; TCVN 8726:2012	Tủ sấy 300°C; Bình hút ẩm; Các cân kỹ thuật có độ chính xác 0,10g ; 0,01g; Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g; Cối và chày; Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm; Hộp chia mẫu nhiều rãnh hoặc dụng cụ chia mẫu thích hợp; Các ống đong bằng thủy tinh, có dung tích chuẩn 10; 25 ; 50; 100; 250 ;500 và 1000 ml; Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml; Ống chuẩn độ (buret) các loại dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml. Ống nhỏ giọt; Bình tam giác các loại, có dung tích chuẩn 50; 100; 250; 500 và 1000 ml; Giấy lọc định tính; Bếp đun	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi



ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
40	Trương nở của đất	TCVN 8719 :2012; ASTM D4546 :85	Bàn và giá đỡ đồng hồ đo biến dạng nở; Hộp chứa nước; Pitstong đỡ chân đồng hồ đo biến dạng, có đục lỗ châm kim thoát khí; Đồng hồ đo biến dạng, số đọc chính xác đến 0,01 mm; Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm; Hộp đặt dao vòng chứa mẫu, có đục lỗ châm kim để có thể làm ướt mẫu đất dễ dàng, có vít bắt chặt với dao vòng	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
41	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân kỹ phân tích có độ chính xác $d=0.0001g$ , Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến $300^{\circ}C$ , cối dầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, dụng cụ nghiền mẫu...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI</b>				
42	Thử kéo	TCVN 197 :2014; (ISO 6892: 1998); AASHTO T244; ASTM A370;JIS Z 2241 :1998; EN 10002; TCVN 1651 - 1:2018; TCVN 1651 - 2:2018	Máy thử độ bền kéo nén model: WA- 1000B, cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
43	Thử uốn	TCVN 198 :2008; (ISO 7438: 2005); JIS Z 2248 :1996; AASHTO T244; ASTM A370/E290; TCVN 1651 - 1:2018; TCVN 1651 - 2:2018	Máy thử độ bền kéo nén model: WA- 1000B; bộ gối uốn	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

N: CÔN 1NH 3Ờ 7D 191

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44	Kiểm tra chất lượng mỗi hàn-Thử uốn	TCVN 5401 :2010	Máy thử độ bền kéo nén model: WA- 1000B, thước cặp, thước thép	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
45	Xác định chiều dày lớp mạ	TCVN 4392 :86; DIN3105 :00; ASTM A123-02	Thiết bị đo chiều dày EC 555S	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT</b>				
46	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-02 :2016; TCVN 4732 :2016	Thước thép, Thước kẹp cải tiến	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
47	Xác định độ hút nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích	TCVN 6415-03 :2016; TCVN 4732 :2016	Tủ sấy 300°C, Thiết bị gia nhiệt, Nguồn nhiệt, Cân chính xác đến 0,01 %, Nước cất hoặc nước đã khử ion, Bình hút ẩm, Khăn ẩm, Vòng lưới, giá đựng, Cốc thủy tinh	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
48	Xác định độ bền uốn và lực gãy	TCVN 6415-04 :2016; TCVN 4732 :2016	Tủ sấy 300°C, Đồng hồ đo áp lực tự ghi, Hai thanh đỡ hình trụ	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

17  
IG  
EM  
NG  
88  
4.1

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>GẠCH XÂY</b>				
49	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
50	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén TYA-300 thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
51	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
52	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300°C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
53	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300°C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
54	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0.2mm, tủ sấy 300°C, bình hút ẩm, cân bình cổ cao, dầu hỏa....	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>GẠCH TERAZO</b>				
55	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước có độ chính xác 0,1 mm; Thước nivô, có độ chính xác 0,1 mm; Thước lá có chiều dày chuẩn, độ chuẩn xác 0,1 mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
56	Xác định độ hút nước trên bề mặt	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, Cân, Khăn ẩm, Thùng chứa nước, Sáp (hoặc vật liệu tương tự để gắn kín các mặt), Bàn chải, Nước sạch	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
57	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Máy nén có phụ kiện thử uốn, Thước đo có độ chính xác tới 1 mm, Các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu.,Bay, chảo ... để trộn vữa xi măng	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>				
58	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử 200mm (0.01mm)	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
59	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Máy nén TYA - 2000, bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày $\geq$ 15mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
60	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300°C, thùng ngâm mẫu	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
61	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy mài, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>GẠCH BÊ TÔNG</b>				
62	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
63	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016	Máy nén TYA - 300, bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

N: 01  
 ÔN  
 NH  
 Ờ  
 D  
 GI

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	Tủ sấy đến 300°C, Cân kỹ thuật 30kg	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
65	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật 30kg, Thước lá kim loại dài 500mm, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC</b>				
66	Xác định hàm lượng ion clorua Cl <sup>-</sup>	TCVN 6194:96	Ống thủy tinh Buret,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
67	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 6649:2020	Bộ nghiền, Rây thí nghiệm, cỡ lỗ 0,150 mm, Bình chống ẩm, dung tích 2 lít, Bình phản ứng, dung tích 250 ml, Bộ sinh hàn, Bình hấp thụ, Hạt thủy tinh thô ráp, Thiết bị đốt nóng, Phễu, Bình định mức, dung tích 110 ml, Giấy lọc	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
68	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 6649:2020	Bộ nghiền, Rây thí nghiệm, cỡ lỗ 0,150 mm, Bình chống ẩm, dung tích 2 lít, Bình phản ứng, dung tích 250 ml, Bộ sinh hàn, Bình hấp thụ, Hạt thủy tinh thô ráp, Thiết bị đốt nóng, Phễu, Bình định mức, dung tích 110 ml, Giấy lọc	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
69	Xác định hàm lượng ion Sunfat ( $SO_4^{2-}$ )	TCVN 6200:96	Phễu lọc thủy tinh xốp, Bình thủy tinh có vòi (Buchner), Cân phân tích, có thể cân chính xác đến 0.0002 g, Bát cô bằng bạch kim dung tích 250 ml	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
70	Xác định độ pH	TCVN 6492:11	Máy đo pH cầm tay HI98107	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>NHỰA BITUM</b>				
71	Xác định độ kim lún	ASTM D5; AASHTO T49; EN 1426; TCVN 7495:2005	Bể ổn nhiệt, Bộ thiết bị Kim lún	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
72	Xác định độ kéo dài 25°C	ASTM D113; AASHTO T51; EN 13589; TCVN 7496:2005 TCVN 11194:2017	Bể ổn nhiệt, Bộ thiết bị thử độ kéo dài	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
73	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bị)	TCVN 7497:2005; ASTM D36; AASHTO T53	Bể ổn nhiệt, Bộ thiết bị thử độ hóa mềm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

122  
Y  
ƯU  
TÍNH  
3  
NHÀ P

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
74	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48	Bể ổn nhiệt, Bộ thiết bị thử độ bắt lửa	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
75	Xác định độ dính bám đối với đá	ASTM D3625; EN 12697; TCVN 7504:05	Dây buộc, Bình thủy tinh, Nước cất, Bếp đun, Nhiệt kế	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>				
76	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	ASTM D1559/D6926; AASHTO T245; ASTM D6927; TCVN 8860-1:2011	Máy đầm Marshall tự động, Máy nén Marshall, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng, Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
77	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	ASTM D2172; AASHTO T164-A; EN12697; TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lo nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ ...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
78	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi



ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời	ASTM D2041; AASHTO T209; EN12697; TCVN 8860-4:2011	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa; Bình đựng mẫu; Cân kỹ thuật, Máy hút chân không, Bình lọc hơi nước, Áp kế, Chân không kế, Nhiệt kế, Tủ sấy 300°C, Khay, Khăn	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
80	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đá dầm nén	ASTM D2726; TCVN 8860-5:2011	Cân điện tử, Bể nước, Dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, Tủ sấy 300°C, Nhiệt kế	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
81	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
82	Phương pháp xác định độ rỗng dư và độ rỗng cốt liệu	TCVN 13567-2:2022 TCVN 13567:2022	Bể ổn nhiệt, Cân kỹ thuật, giỏ cân trong nước, thùng ngâm mẫu, thùng chứa nước,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
83	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Bể ổn nhiệt, Cân kỹ thuật, giỏ cân trong nước, thùng ngâm mẫu, thùng chứa nước,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

0.1  
 C  
 ÍCH  
 RÚT  
 T  
 CH

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
84	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 13567:2022	Bể ổn nhiệt, Cân kỹ thuật, giỏ cân trong nước, thùng ngâm mẫu, thùng chứa nước,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA VẢI ĐỊA KỸ THUẬT VÀ BẮC THẨM</b>				
85	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ISO 9863; JIS L1096; EN 964/1; ASTMD5199/D1777/D751/D6525; DIN 53855; ISO 1032; ASTM D 5994; ASTM D 5494:99	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
86	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D 4595	Máy kéo vải địa WDW - 100, bộ ngàm kéo thí nghiệm kéo đứt và độ giãn dài, thước thép,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
87	Xác định độ bền và chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bắc thẩm	TCVN 8871-1:2011; ASTM D 4632/D5034; ASTM D4632-96	Máy kéo vải địa WDW - 100, bộ ngàm kéo thí nghiệm cường độ kéo giật và độ giãn dài, thước thép,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
88	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11; ASTM D4533:09; ASTM D4533/D751-B; JIS L1096	Máy kéo vải địa WDW - 100, bộ ngàm kéo thí nghiệm cường độ xé rách hình thang, thước thép,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Xác định lực xuyên thủng CBR	ASTM D 6241; ISO 12236; BS 6906-4; DIN 54307; TCVN 8871-3:11; ASTM D4533:09	Máy kéo vải địa WDW - 100, thước thép,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
90	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011	Máy kéo vải địa WDW - 100, bộ cường độ xuyên thủng thanh, thước thép,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
91	Xác định khối lượng đơn vị diện tích vải địa không dệt	TCVN 8221:09; ISO 9864; JIS L1096; EN 965; ASTM D 3776/D751/D6566; DIN 53854; ASTM D5261:91	Thước thép, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
<b>HIỆN TRƯỜNG</b>				
92	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng PP dao dai	22 TCN 02 - 71; TCVN 8730-2012; TCVN 8297 :2018; ASTM D2937; TCVN 12791 :2020; TCVN 8729 :2012; AASHTO T204	Dao dai trong bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
93	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	TCVN 8297 :2009; ASTM D5030/D5030; TCVN 8297 :2012; BS 1377-9; TCVN 8297 :2018; 22TCN 346:2006; TCVN 8730 :2012; AASHTO-T191; ASTM D1556	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

Z  
37  
H  
G  
62  
H

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
94	Xác định modul đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	ASTM D1194/D1196; AASHTO T256; EN ISO 22476; TCVN 8861 :2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
95	Xác định modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	AASHTO T256; ASTM D4956; TCVN 8867 :2025	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
96	Xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	ASTM D1195; BS 1377-9; DIN 18134; AASHTO T221; TCVN 9354 :2012	Tấm nén, kích thủy lực, đồng hồ so, dầm định vị, lực kế, các cọc neo vít, ống vách,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
97	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334 :2012	Búa thử độ cứng bê tông (Súng bật nảy)	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
98	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864 :2011; EN 13036-7	Thước 3m, nêm đo khe hở, cọ quét	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi



ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
99	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 :2011	Cát tiêu chuẩn, ống đồng, bàn xoa, bàn chải sắt cứng, thước dài, cân kỹ thuật, chổi mềm	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
100	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396 :2012	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi CHAMP	Trương Ngọc Giàu Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh
101	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 :2022	Máy khoan lõi XY-1, các thiết bị phụ trợ,...	Trương Ngọc Giàu Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh
102	Thí nghiệm khoan mùn mũi cọc	TCVN 9395 :2012	Máy khoan lõi XY-1, các thiết bị phụ trợ,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

: 1  
ĐIỂM  
HIỆU  
QUẢ  
ĐIỂM

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
103	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:00; TCVN 11321 :2016; ASTM D5882:00	Thiết bị kiểm tra cọc động PDA-8G	Trương Ngọc Giàu Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh
104	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	ASTM D1143; TCVN 9393 :2012	Kích thủy lực 0÷2500kN; đồng hồ so 0÷100mm	Trương Ngọc Giàu Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh
105	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
106	Bentonite (Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; độ PH; độ ổn định)	TCVN 11893:2017	Bộ thiết bị dùng để thí nghiệm các chỉ tiêu cơ bản: Cân tỷ trọng, Ca nhựa có chia vạch, Phễu đo độ nhớt và bình chứa, Dụng cụ đo hàm lượng cát	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi
107	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy khoan, Máy nén TYA-300, thước kẹp cải tiến,...	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

11/01/2018

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
108	Kiểm tra hàm lượng nhựa tươi trên 1m <sup>2</sup>	TCVN 8863:2011	Khay tole (25x40)cm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g	Hồ Hoàng Khang Dương Hoàng Linh Dương Lý Minh Nguyễn Minh Nhựt Trần Diễm Trinh Nguyễn Ngọc Nhi

Công ty TNHH Trường Tín TD868 chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố; Cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TRƯỜNG TÍN TD868**



**GIÁM ĐỐC**

*Trương Ngọc Giàu*

